

CUỘC BÚT CHIẾN CỦA NHÓM NHO SĨ MIỀN NAM

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

I - Nguyên nhân cuộc bút chiến

Tại Chợ Lớn có một ngôi chùa, trong vườn trồng nhiều cây mai hoa màu trắng, nên chùa có tên là Mai Sơn Tự, dân gian quen gọi là Chùa Cây Mai. Nơi đây giới văn nhân thi sĩ thường lui tới để trao đổi thi thơ xướng họa. Rồi Hội Thi Xã Bạch Mai được thành lập, và Tôn Thọ Tường là một trong những người đứng ra sáng lập. Hội sinh hoạt rất vui vẻ và sôi nổi, tiếng tăm khắp vùng, càng ngày càng có nhiều tao nhân mặc khách xin gia nhập.

Thế rồi, sáng sớm ngày 17- 2- 1859, liên quân Pháp và Tây Ban Nha đánh chiếm thành Gia Định, quân ta chống cự kịch liệt nhưng cũng chỉ cầm cự được đến trưa thì thành vỡ. Sau đó, ngày 12 tháng 4 năm 1861, tỉnh thành Định Tường thất thủ. Ngày 9 tháng 12 năm 1861, liên quân đánh chiếm đảo Côn Lôn. Và ngày 16 tháng 12 năm 1861, tỉnh thành Biên Hòa thất thủ. Từ ngày giặc chiếm Gia Định, chùa Bạch Mai trở thành đồn lính của giặc. Thi đàn Bạch Mai giải tán, hầu hết các thành viên hoặc gia nhập hàng ngũ kháng chiến, hoặc tìm nơi ẩn dật.

Rồi ngày 5 tháng 6 năm 1862, triều đình ta phải ký Hòa ước Nhâm Tuất nhường đứt cho Pháp 3 tỉnh Miền Đông Nam Kỳ là Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và Côn Đảo. Nam Kỳ Lục Tỉnh bị chia cắt và mất đi một nửa phía Miền Đông. Phong trào Ty Địa bùng phát, phần lớn các thành viên của Thi đàn Bạch Mai cùng với sĩ phu Miền Đông kéo nhau về Miền Tây sinh sống. Trong khi ấy, Tôn Thọ Tường là nhân vật điển hình cộng tác với “Tân trào” ngay từ thừa ban đầu, và được quyền cao chức trọng. Họ Tôn đi ngược lại với phái bài Pháp, bất hợp tác với Pháp như: Nguyễn Đình Chiểu, Bùi Hữu Nghĩa, Phan Văn Trị, Lê Quang Chiểu, Huỳnh Mẫn Đạt; hoặc vũ trang chống Pháp, như: Nguyễn Hữu Huân, Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Thiên Hộ Dương...

Tôn Thọ Tường làm thơ *Vịnh Cây Mai* ở Chùa Bạch Mai, luyện tiệc Thi xã này:

*Đau đớn cho mai cách dưới đèo,
 Mười phần trong sạch phận cheo leo.
 Sương in tuyết đóng nhành thưa thớt,
 Xuân đến thu về sãi quạnh hiu.
 Lặng lẽ chuông quen cơn bóng xế,
 Tò te kèn lạ mặt trời chiều.
 Những tay rượu thánh thi thần cũ,
 Trông cảnh bao nhiêu tiếc bấy nhiêu!*

Lê Quang Chiêu họa lại, bóng bấy trách họ Tôn đã bỏ thi hữu, bỏ bạn đồng liêu, đành tâm theo giặc, cộng tác với Tân trào:

*Tìm mai mấy độ đã xa đèo,
 Xót nhẽ thân gầy sắn vẫn leo.
 Dương tuyết bốn mùa hoa sạch sẽ,
 Gió đông đòi trận sắc tiu hiu.
 Đầy đưa cửa Phật hơi kèn sớm,
 Quanh quẽ nhành chim bóng xế chiều.
 Thăm tiếc phải còn phong cảnh cũ,
 Văn nhân tài tử biết bao nhiêu!*

2 - Diễn tiến cuộc bút chiến

Tùy theo các bài xướng của Tôn Thọ Tường, cuộc bút chiến giữa hai phe thân Pháp và chống Pháp của nhóm Nho sĩ Miền Nam, có thể tạm chia làm ba giai đoạn:

2.1 - Giai đoạn phô trương thanh thế

Tôn Thọ Tường tự cho mình là người thức thời, nếu không thể chống Pháp bằng vũ lực thì đừng gây cảnh binh đao chỉ làm khổ dân, hành động bài Pháp cũng chẳng ích gì. Chỉ bằng ra cộng tác với Tân trào để giúp dân được chừng nào hay chừng nấy trong vận hội mới. Để biện hộ cho hành động theo giặc, họ Tôn cao giọng tuyên truyền cho sự có mặt của Pháp, và nói lên quan điểm của mình trước thời cuộc, qua 10 bài *Tự Thuật* liên hoàn. Và ngay trong Bài 1, ông lên mặt dạy đời:

*Giang san ba tỉnh hãy còn đây,
 Trời đất chi xui đến nỗi này.
 Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo,
 Mây tuôn đen kịt khói tàu bay.
 Xăng văng chậm tính thương đòi chỗ,
 Khấp khởi riêng lo biết những ngày.
 Miệng cọt hàm rồng chưa dễ chọc,*

Khuyên đàn con trẻ chó thày lay.

Phan Văn Trị họa lại, không những đủ 10 bài *Tự Thuật* liên hoàn, mà còn tái họa 10 bài nữa. Ông Trị đáp trả chan chất từng câu từng chữ, như gáo nước lạnh dội thẳng vào bộ mặt thật của ông Tường, qua Bài họa thứ nhất:

*Hơn thua chưa quyết đó cùng đây,
Chẳng đã nên ta phải thế này.
Bến Nghé quân bao cơn lửa cháy,
Cồn Rồng đâu mặc bụi tro bay.
Nuôi muông giết thú còn chờ thuở,
Bủa lưới săn nai cũng có ngày.
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khí,
Lòng ta sắt đá há lung lay.*

Vốn thừa tiết tháo của nhà Nho, sung mãn bút lực, Phan Văn Trị hạ bút tái họa bài *Tự Thuật* thứ nhất:

*Vẫn ngoại trăm năm há mới đây,
Tan tành ai khiến nước non này.
Phá ngàn lũ cáo lung lẳng múa,
Vỡ tổ bầy chim đảo dác bay.
Mấy dặm thành ao oan nửa khắc,
Muôn binh gió hạc thảm ghe ngày.
Khi suy những tường còn khi thịnh,
Cội nước đương bên dễ đã lay.*

Bùi Hữu Nghĩa giương cao ngọn cờ bất khuất của dân tộc, đáp lại loạt bài “*Tự Thuật*” của Tôn Thọ Tường, qua Bài họa *Tự Thuật* thứ nhất [5].

*Anh hùng sáu tỉnh [6] thiếu chi đây!
Đâu để giang san đến thế này.
Ngọn lửa Tam Tân [7] phừng đất cháy,
Chòm mây Ngũ Quý [8] lấp trời bay.
Hùm nương non rậm toan chờ thuở,
Cáo loạn vườn hoang thác có ngày.
Một góc [9] cảm thương dân nước lửa [10],
Đền Nam trụ cả dễ lung lay.*

Tiếp theo là Lê Quang Chiêu, cũng họa đủ 10 bài *Tự Thuật* liên hoàn của Tôn Thọ Tường. Trong Bài họa thứ nhất ông nhắn với họ Tôn rằng: tình thế chỉ tạm thời đảo lộn, tạo cơ hội chồn cáo lên ngôi, khiến vàng thau lẫn lộn; nhưng tin tưởng vào truyền thống bất khuất và khả năng chống ngoại xâm của dân tộc, sẽ đem lại trật tự xưa:

*Rèn lòng đinh sắt hãy còn đây,
Nín nấp cho qua cái hội này.
Hạc lộn bầy gà thương nỗi kẻ,*

*Chồn mang lớp cộp góm cho bay.
Lỡ duyên cá nước toan chờ vận,
Gặp lúc rồng mây há chẳng ngày.
Sớm tính che phen giữa gió cả,
Cột rường chống chỏi dễ lung lay!*

Sang bài Tự Thuật thứ hai, Tôn Thọ Tường than thở, cũng vì “thầy lay” nhúng tay vào những việc “bá vơ,” tào lao mà phải bị tiếng nhơ. Nhưng không nỡ làm ngơ, để con trẻ lẫn xuống giếng sâu, ám chỉ những người chống Pháp là rồ dại. Ông cũng đã phỉ báng những người chống đối ông chẳng khác nào miệng con thần lẫn và lưỡi rắn mỗi phun chất độc:

*Thầy lay lại muốn chuốc danh nhơ,
Ai mượn mình lo việc bá vơ.
Trẻ dại giếng sâu lòng chẳng nỡ,
Đàng xa ngày tôi tuổi không chờ.
Áo xiêm đã thấy xăn thay thợ,
Xe ngựa nào toan gõ nước cờ.
May rủi rủi may đâu đã chắc,
Miệng lẫn lưỡi môi hấy tai ngơ.*

Phan Văn Trị họa lại, ngay câu đầu ông dùng chữ “lòng sắt,” để chế giễu họ Tôn. Vì lúc Pháp mới chiếm Gia Định, Tôn Thọ Tường làm ra vẻ yêu nước, hứa hẹn với bạn bè giữ lòng son sắt, quyết không theo giặc, nhưng chẳng bao lâu ông lại ra cộng tác với Tân trào vì miếng mồi quyền cao chức trọng. Và họ Phan đã nặng lời đáp họa:

*Lung lay lòng sắt, đã mang nhơ,
Chẳng xét phận mình khéo nói vơ.
Người trí mắng lo danh chẳng chối,
Đứa ngu luống sợ tuổi không chờ.
Bài hòa đã sẵn in tay thợ [11],
Việc đánh hơn thua giống nước cờ.
Chưa trả thù nhà đền nợ nước,
Dám đâu mặt lấp lại tai ngơ.*

Đến bài Tự Thuật thứ 4, Tôn Thọ Tường cho rằng “lên núi bắt hùm” chuyện chưa hẳn là láo hoàn toàn, nhưng đã lợi xuống sông mà chối là không phải để bắt cá thì thật khó ai tin được. Với luận điệu chạy tội theo giặc, Tôn Thọ Tường bào chữa rằng việc ra làm quan cho Pháp không phải vì tham danh lợi, chẳng qua là thương dân, phải ra tham chính để lo cho dân đen đang bơ vơ vì mất chúa, như thương bày gà con mất mẹ.

*Kể chi danh phận lúc tan hoang,
Biển rộng trời cao nghĩ lại càng.
Lên núi bắt hùm chưa dễ láo,*

Vào sông đánh cá há rằng oan.
 Người trượng mắt ngáo đôi tròng bạc,
 Kẻ ứa gan trung bày lá vàng [12].
 Chiu chít thương bày gà mất mẹ,
 Cũng là găng gổ dám khoe khoang.

Phan Văn Trị, tiếp họa bài Tự Thuật thứ 4, nhấn gửi cho họ Tôn biết rằng việc cộng tác với kẻ thù xâm chiếm nước mình là hành động phá nát nền đạo lý, nếp danh giáo xưa nay của cha ông; chỉ có kẻ tiểu nhân vì danh lợi làm lóa mắt mà mờ cả danh dự và liêm sỉ:

Thân danh chẳng kể thiệt thàng hoang,
 Đốt sập nên tro lụi chẳng càn.
 Hai cửa trâm anh xô sập ngựa,
 Một nhà danh giáo xáo tan oan.
 Con buôn khắp khởi chưa từng ngọc,
 Người khó xằng vãng mới gặp vàng.
 Thương kẻ đồng văn [13] nên phải nhắc,
 Dễ ta đâu dám kẻ khoe khoang.

Còn Lê Quang Chiêu, khi họa bài Tự Thuật 4 đã đứng trên quan điểm đạo lý “Trai thời trung hiếu làm đầu,” và lập trường chính nghĩa tất thắng, hy vọng vận nước sẽ quang phục, mà phê phán Tôn Thợ Tường thất hứa với bạn bè vì không giữ được lòng dạ sắt son khi tổ quốc lâm nguy:

Khoe danh từng ấy cũng nên hoang,
 Có thuở như cua phải rụng càng.
 Bôi mặt bằng bùn nhơ đã đáng,
 Đút đầu vô máy chết rằng oan.
 Đứa ngu mới ở lòng đen bạc,
 Người trí chi lay dạ đá vàng.
 Chưa đặt cướp cò chim nhẩn trước,
 Chi bằng mái một giữ khoan khoan.

Và bài Tự Thuật thứ 10 là bài cuối, Tôn Thợ Tường vẫn khư khư chống chế:

Đạo hằng chi trước thảo cùng ngay,
 Lỗi đạo sao cho đáng mặt thầy.
 Đất võ đã đành bia lỗ miệng,
 Chén tràn e nổi trở bàn tay.
 Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lấp,
 Mắt trắng xem trời cánh khó bay.
 Chí muốn ngày nào cho đặt toại,
 Giang san ba tỉnh hãy còn đây.

Phan Văn Trị họa lại

Năm hằng vốn thiệt thảo cùng ngay,

*Cuộc ấy ai xui khéo bận thầy.
 Gặp lúc chẳng may nên ngọng miệng,
 Chờ khi thấy máy sẽ ra tay.
 Nổi chìm mặc thế tình dày mỏng,
 Cao thấp đâu ta sức nhảy bay.
 Một trận gió đưa xiêu ngã cỏ,
 Hơ thua chưa quyết đó cùng đây.*

Lê Quang Chiêu tiếp họa trên quan điểm “Quốc gia lâm nguy thất phu hữu trách” để giữ tròn tiết tháo trong công cuộc quang phục đất nước. Và kết thúc với câu mở bài “Rèn lòng đĩnh sắt hãy còn đây!”

*Năm hằng đạo cả khó noi ngay,
 Giúp trẻ nên danh mới đáng thầy.
 Nhà đột mưa đêm khôn khỏe mắt,
 Nước ròng [14] thuyền cạn phải ra tay.
 Đã nguyện rửa ráy như bùn sạch,
 Chi để tưng bừng bụi cát bay.
 Phụng gáy non Kỳ [15] chờ có thuở
 Rèn lòng đĩnh sắt hãy còn đây!*

Qua 10 bài *Tự Thuật* liên hoàn, Tôn Thọ Tường dùng lối thủ vĩ ngâm để mở đầu (câu 1, bài 1) và kết thúc (câu 8, bài 10) là: “*Giang san ba tỉnh hãy còn đây,*” trong lúc Miền Đông Nam Kỳ đã trở thành nhượng địa từ Hòa ước Nhâm Tuất (1862). Thế thì chiêu bài mà họ Tôn đưa ra cốt để mị dân, đã không thuyết phục được ai, mà còn bị giới sĩ phu Miền Nam lên án gắt gao. Họ cũng dùng câu mở đầu và câu kết thúc để kiên định lập trường chống giặc ngoại xâm. Với Phan Văn Trị “*Hơ thua chưa quyết đó cùng đây*”; với Lê Quang Chiêu “*Rèn lòng đĩnh sắt hãy còn đây*”; còn Bùi Hữu Nghĩa, chi họa bài đầu, cũng đã khẳng định “*Anh hùng sáu tỉnh thiếu chi đây.*”

2.2 - Giai đoạn kiên định lập trường

Luận điệu “thức thời” đã bị nhóm sĩ phu bẻ gãy, Tôn Thọ Tường quay sang bám víu vào quy tắc “tam tông,” hễ xuất giá thì “tông phu.” Gượng gạo mượn hình tượng “*Tôn Phu Nhân Quy Thục*” [16], để biện hộ cho việc ông ra cộng tác với Tân trào:

*Cật ngựa [17] thanh gươm vẹn chữ tông,
 Ngàn năm rạng tiết gái Giang Đông [18].
 Lìa Ngô [19] bịn rịn chòm mây bạc,
 Về Hán [20] trau tria mảnh má hồng.
 Son phấn thà đem dày gió bụi,
 Đá vàng chi để thẹn non sông.
 Ai về nhắn với Chu Công Cẩn [21],*

Thà mất lòng anh, đừng bụng chồng.

Phan Văn Trị họa lại:

*Cài trâm sửa tráp [22] vẹn câu tòng,
Mặt già trời chiều biệt côi Đông.
Ngút tỏa vầng Ngô in sắc trắng,
Duyên về đất Thục [23] đượm màu hồng.
Hai vai tơ tóc bền trời đất,
Một gánh cang thường [24] nặng núi sông.
Anh hỡi Tôn Quyền [25] anh có biết,
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng!*

Tôn phu nhân là phận gái, việc theo chồng là hợp lẽ “Tam tòng.” Nhưng Tôn Thọ Tường là trai, và với quan niệm thời ấy “trung thần bất sự nhị quân.” Một điều cấm kỵ, bậc tôi trung không thể thờ hai chúa, huống chi là thờ quân ngoại bang đang xâm chiếm đất nước mình. Thế thì, họ Tôn dùng câu kết “*Thà mất lòng anh, đừng bụng chồng*” để bào chữa cho việc làm của mình, đã bị họ Phan dễ dàng bẻ gãy qua câu “*Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng.*”

2.3 - Giai đoạn phân trần

Năm 1862, Đô đốc Bonard sai Tôn Thọ Tường đi Gò Công dụ Trương Định giải giới, nhưng không thành. Năm 1867, họ Tôn lãnh sứ mệnh đến Ba Tri (Bến Tre) thuyết phục Nguyễn Đình Chiểu, cũng không được. Tiếp đến, ông được lệnh dụ hàng hai người con của Phan Thanh Giản là Phan Tôn và Phan Liêm, nhưng đều thất bại.

Tuyên truyền cho Tân trào không ai nghe theo, biện bạch cho bản thân cũng không ổn, lại còn bị giới sĩ phu Miền Nam họa thơ phê phán. Tôn Thọ Tường lung túng cả trăm đường. Ông nhận ra rằng dù văn tài có khéo léo nguy trang cho hành động phi nghĩa, cũng khó che đậy được sự thật. Họ Tôn, thay đổi chiến thuật, trở nên dịu giọng, phân trần rằng sở dĩ ra cộng tác với Tân trào là vì hoàn cảnh. Ông mượn hình tượng Từ Thúc, một quân sư của Lưu Bị, vì chí hiếu với mẹ, phải lìa bỏ đất Thục, về đầu hàng Tào Tháo để cứu mạng mẹ, nhưng không hiến kế gì cho kẻ đã chống lại chúa của mình, qua bài *Từ Thúc Quy Tào* [26].

*Thảo đầu dám sánh kẻ cày voi [27],
Muôi xát lòng ai, nấy mặt mòi.
Ở Hán hãy còn nhiều cột cả,
Về Tào chi sá một cây còi!
Bâng khuâng nhớ mẹ khôn nâng chén,
Bịn rịn trông vua biếng giờ roi.
Chẳngặng khôn Lưu đành đại Ngụy [28],
Thân này xin gác ngoại vòng thôi!*

Từ Thứ về Tào vì chữ hiếu với mẹ, và không đóng góp gì cho Tào Tháo. Còn Tôn Thạo Tường bỏ vua ra làm quan với kẻ xâm lăng đất nước mình, phục vụ đắc lực với chủ mới. Thử hỏi ông lấy danh nghĩa gì biện minh cho hành động ấy?

Phan Văn Trị họa lại:

*Quá bị trên đầu nhất búa voi,
Kinh luân đầu nũa để khoe mòi.
Xăng văng ruồi Ngụy mây ùn đám,
Dáo dác xa Lưu, gió thổi còi.
Đất Hứa nhớ thân sa giọt tủi,
Thành Tương mền chúa nhẹ tay roi!
Về Tào miệng ngậm như bình kín,
Trên trọng lời vàng đáng mấy thoi?!*

Một khía cạnh khác, trong bài xướng *Từ Thứ Quy Tào*, có lẽ Tôn Thạo Tường dùng những từ vận: voi, mòi, còi, roi, thoi, để giảm bớt số người họa phản bác. Ông đã làm, họ không thèm đá kích nữa trong tinh thần “thượng mã,” vì họ Tôn đã xuống nước “*Thân này xin gác ngoai vòng thoi!*” Nhưng để chứng tỏ cho Tôn Thạo Tường thấy rằng, họ thừa sức họa những từ vận ấy, ở một đề tài khác. Chẳng hạn như Phan Văn Trị ngoài bài họa *Từ Thứ Quy Tào*, ông có hai bài tồn nghi là *Hát Bội* và *Đồn Lính Trong Làng*, cũng họa theo vần Từ Thứ. Bùi Hữu Nghĩa cũng có ba bài theo vận Từ Thứ: *Bị Giam ở Vĩnh Long*, *Đũa Bếp* và *Thân Bao Tư Tống Ngũ Tử Tư*. Huỳnh Mẫn Đạt với bài *Mưa Đêm*. Có tài liệu trên mạng, cho rằng còn hai bài nữa cũng theo vận Từ Thứ là bài *Cờ Tướng* và *Ngũ Tử Tư Biệt* (?), nhưng không rõ tên tác giả.

Tiêu biểu cho những bài thơ lấy nguyên vận Từ Thứ, đơn cử có bài: *Đũa Bếp* của Bùi Hữu Nghĩa. Tác giả mượn hình tượng cái đũa bếp, tuy là vật tầm thường, nhưng rất đa dụng trong công việc nhà bếp. Tác giả dùng hai câu thúc kết để gửi gắm tâm sự buồn: công trạng thì nhiều, nhưng rốt cuộc sự nghiệp chẳng được bao nhiêu!

*Đũa đã không nên cái búa voi,
Để làm đũa bếp nhấm ra mòi.
Sơ lò ngũ dảnh [29] chi sồn nóng,
Khuấy vạc tam thai [30] chẳng sợ còi.
Gặp cục than hồng đà sẵn gắp,
Giận con đòi đại khỏi dở roi.
Xông con nước lửa dư trăm trận,
Công nghiệp nay đà đáng mấy thoi!*

3 - Nhận xét về cuộc bút chiến

Cuộc bút chiến giữa Tôn Thọ Tường và nhóm Nho sĩ Miền Nam dai dẳng trong 15 năm (1862 - 1877). Hai bên đã so tài gay gắt không những về ý thức hệ, về quan niệm sống, mà còn trên lãnh vực giá trị văn chương.

Nhóm sĩ phu ái quốc, dù họ tham gia vũ trang chống Pháp, hay thuộc nhóm bất hợp tác với Pháp; họ đều đứng trên lập trường Quốc gia Dân tộc và Đạo lý. Việc làm của họ rất chính nghĩa. Vì thế, họ có ưu thế trong việc bẻ gãy những lý luận quanh co, ngụy biện của Tôn Thọ Tường muốn che đậy việc làm phi nghĩa.

Xét cho cùng, hành động Tôn Thọ Tường theo giặc cầu vinh, không thể bênh vực được, nhưng tài văn thơ của ông thì cũng không thể chê được. Với điều họ Tôn, dù sao cũng còn chút lương tâm, ông đã nhẫn nhục nhận những lời thóa mạ của nhóm sĩ phu yêu nước, và không hề tìm cách trả thù hay làm hại họ, mặc dù ông có đủ quyền hành.

Trong bài *Tự Thuật*, thứ 3, hai câu kết, ông tâm sự:

*Trâu ngựa dẫu kêu chi cũng được,
Thân còn chẳng kể, kể chi danh.*

Câu chuyện sau đây [31] chứng tỏ Tôn Thọ Tường không mất hẳn lương tâm, vẫn giữ tình bạn cũ và quý trọng những sĩ phu có khí tiết.

Chuyện kể rằng Huỳnh Mẫn Đạt có dịp lên thăm Sài Gòn, trong một chiều ông đi bộ ngang qua Bồn Kèn, thấy đám lính Pháp tập hợp thổi kèn, ông đứng lại xem. Tình cờ lúc ấy, Đốc Phủ sứ Tôn Thọ Tường ngồi xe song mã cũng chạy ngang qua đấy. Huỳnh Mẫn Đạt chợt thấy họ Tôn, liền lánh vào gốc cây, không muốn gặp. Nhưng muộn rồi, Tôn Thọ Tường đã thấy ông, nên đã xuống xe chạy lại gốc cây, vui mừng bắt tay bạn cũ một cách niềm nở. Ông Tường cố nài nỉ mời cho được ông Đạt về tư dinh của mình chơi và ở qua đêm. Ngay tối hôm ấy, Huỳnh Mẫn Đạt cảm tác bài "*Giễu Tôn Thọ Tường*," đọc cho Tôn Thọ Tường nghe:

Bài 1:

*Cừu mã năm ba bạn cặp kè,
Duyên đâu giải cấu khéo đề ne.
Đã cam bít mặt cùng trời đất,
Đâu dám nghiêng mình bởi ngựa xe!
Hón hỏ, trẻ dong đường dậm liễu,
Thần thờ, già nấu cội cây hòe.
Núp nom cũng hổ, chào thêm hổ,
Thà ẩn non cao chẳng biết nghe...*

Bài 2:

*Ngoài tai phải quấy vẫn nhàn nghe,
Cuộc lợi đường danh ỏi giọng ve!
Chớ nói "đôi dôi," sao cốt cách?
Xưa nay gió nát vẫn còn tre!*

...

Qua nội dung, họ Tôn biết ông Đạt, người bạn cũ, làm thơ ngẫm chỉ trích việc theo giặc của mình, nên đã làm bài “Ngộ Hữu” (Gặp Bạn) để đáp lại:

*Tình cờ xảy gặp bạn tiên liêu [32],
Thơ phú ngâm nga hứng gió chiều.
Thế cuộc đời đời đà lăm lăm,
Thiên cơ [33] mầu nhiệm hãy nhiều nhiều.
Nước non đường ấy, tình đường ấy,
Xe ngựa bao nhiêu, bụi bấy nhiêu.
Hăm hở nhạc Tây hơi thổi mạnh,
Nghe qua ngùi nhớ giọng Tiêu thiêu! [34].*

Lại nữa, Tôn Thọ Tường còn làm bài “Khóc Đầu Hạng Võ” [35], có lẽ mượn sự tích này để ngẫm thương tiếc đến một lãnh tụ nghĩa quân nào đó ở Nam Kỳ Lục Tỉnh đã bỏ mình vì nước.

*Trăm hai non nước một guom thân,
Hết giận thôi mà khóc cố nhân.
Con mắt bốn người nhìn với mắt,
Cái thân tám thước tuổi nào thân.
Bát canh Quang Võ [36] ơn còn nhớ,
Chén rượu Hồng Môn [37] lụy khó quên.
Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo,
Mặc ai rằng giả mặc ai chân.*

Riêng về hành động của Tôn Thọ Tường, GS Trịnh Vân Thanh [38] đã nhận định: “Dù ra hợp tác với Pháp, Tôn Thọ Tường vẫn cố gắng giữ lòng thanh bạch, không đến nỗi mang tiếng là kẻ mãi quốc cầu vinh. Ông đã hết lòng can thiệp để Pháp trả tự do cho Bùi Hữu Nghĩa.”

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Trong tập *Văn Học VN Thời Cận Đại*

GHI CHÚ

[5] Trích báo *Thế Giới Tân Văn*, số 13, phát hành tại Sài Gòn, ngày 2- 10- 1936.

[6] Sáu tỉnh: Thời trước Nam Kỳ được chia làm 6 tỉnh, thường gọi là Nam Kỳ Lục Tỉnh; miền Đông có 3 tỉnh gồm Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, gọi là Miền Đông Nam Kỳ; miền Tây cũng có 3 tỉnh là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên, gọi là Miền Tây Nam Kỳ.

[7] Tam Tần: Đất cũ của nhà Tần có ba viên tướng là Chương Hàm, Tư Mã Hân, Đồng Ế trấn giữ. Vua Hán sai Hàn Tín tới chinh phục, cả ba viên tướng xin hàng.

[8] Ngũ Quý: Cuối đời Đường có loạn Ngũ Quý, tức Ngũ Đại, gồm 5 triều đại là Hậu Lương (Hou Liang), Hậu Đường (Hou Tang), Hậu Chu (Hou Zhou), Hậu Hán (Hou Han), Hậu Tấn (Hou Jin) tranh nhau chiếm ngôi vua. Đây là thời đại loạn trong lịch sử nước Tàu, khiến dân chúng thống khổ trăm bề.

[9] Một góc: một phần trong toàn bộ nước ta, ý chỉ miền Nam Kỳ Lục Tỉnh.

[10] Nước lửa: ý nói sáu tỉnh Miền Nam đang bị giặc Pháp dùng vũ lực giày xéo.

[11] Câu này ý nói Tôn Thọ Tường đã chán bị sẵn tinh thần hòa hợp với giặc từ lâu rồi.

[12] Câu 5 và 6: Nguyễn Khắc Thuần và Nguyễn Quảng Tuân; *Phan Văn Trị Cuộc Đời và Tác Phẩm* (Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1986); trang 131: Hai câu này là ám chỉ cái chết của những lãnh tụ vũ trang chống Pháp lúc bấy giờ như Phủ Cội, Trương Định...

[13] Đồng văn: Do câu trong sách Trung Dung: “*Thư đông văn, xa đông quý*,” nghĩa là một thứ, bánh xe một cỗ. Suy ra, “đồng văn” cũng có nghĩa là đồng chủng, cùng số phận.

[14] Nước ròng: mức nước biển thấp khi thủy triều hạ xuống

[15] Phụng gáy non Kỳ: thành ngữ này ý nói đời thái bình, thịnh trị.

[16] Bài thơ “*Tôn Phu Nhân Quy Thục*” lấy tích từ truyện *Tam Quốc Diễn Nghĩa* của La Quán Trung (Luo Guan Zhong). Tôn Phu nhân (Sun Fu Ren) là em gái của Tôn Quyền (Sun Quan), Chúa nước Đông Ngô (Dong Wu). Còn Chu Du (Zhou Yu) tên tự là Công Cẩn, Đô đốc Đông Ngô, hiến kế cho Tôn Quyền lập mưu giả gả em gái cho Lưu Bị (Liu Bei), và mời ông ta sang Giang Đông (Jiang Dong) cầu hôn, rồi cho phục binh giết chết, để đoạt thành. Khổng Minh (Kong Ming) là quân sư của Lưu Bị, biết rõ mưu gian của Chu Công Cẩn (Zhou Gong Jin), nên sai Triệu Tử Long (Zhao Zi Long) theo phò Lưu Bị (chúa nước Ba Thục), và dặn khi sang lãnh thổ của Đông Ngô thì cho tung tin âm mưu là: Tôn Quyền chính thức mời Lưu Hoàng thúc sang để gả em gái là Tôn Phu Nhân. Tin đồn đến tai mẹ của Tôn Quyền là Ngô Quốc Thái. Bà cho gọi Tôn Quyền vào mắng về tội dùng duyên của em gái trong âm mưu lừa đảo, buộc Tôn Quyền phải giữ lời hứa gả em gái cho Lưu Bị. Tôn Phu Nhân vâng lời mẹ kết hôn với Lưu Bị, và cũng không biết gì mưu kế của anh mình. Triệu Tử Long theo kế dặn của Khổng Minh, đã đưa Lưu Bị và Tôn Phu Nhân, cùng phái đoàn trở về Kinh Châu (Jing Zhou) an toàn.

[17] Cật ngựa: lưng ngựa.

[18] Gái Giang Đông: Tôn Phu nhân là em ruột của Tôn Quyền, ở Giang Đông.

[19] Lìa Ngô: rời nước Ngô.

[20] Về Hán: về với Lưu Bị.

[21] Chu Công Cẩn: đại tướng của nước Ngô.

[22] Cài trâm sửa tráp: trâm là vật trang sức của phụ nữ thời xưa, dùng để cài tóc cho khỏi sổ ra; tráp tức tráp là hộp bằng gỗ, trong có nhiều ngăn, dùng đựng giấy tờ hay nữ trang. Ý nói sửa đồ nữ trang để đi lấy chồng.

[23] Đất Thục: nước Ba Thục (Ba Shu) của nhà Hán.

[24] Cang thường: tức tam cang và ngũ thường, là cương lĩnh của đạo Nho, gồm 3 giềng: vua tôi, cha con, chồng vợ; và năm mối: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

[25] Tôn Quyền: vua nước Đông Ngô.

[26] Từ Thù quy Tào: Tích này lấy trong sách *Tam Quốc Diễn Nghĩa*. Từ Thù (Xu Shu), là tên tự của Nguyên Trực (Yuan Zhi), người quận Dĩnh Xuyên (nay là huyện Hứa Xương, tỉnh Hà Nam, nước Tàu). Khoảng năm 190 (sau Tây lịch) ông đến Tân Dã (Xin Ye, nay là một huyện thuộc tỉnh Hà Nam) làm mưu sĩ giúp Lưu Bị (Liu Bei). Từ Thù đã hiến kế cho họ Lưu thắng nhiều phen, như trận đánh bại Tào Nhân (Cao Ren) là tướng giỏi của Tào Tháo (Cao Cao), đánh úp chiếm Phàn Thành. Tào Tháo bèn lập mưu bắt mẹ Từ Thù, rồi theo kế của Trình Dục (Cheng Yu), giả nét chữ của Từ mẫu để viết thư dụ Từ Thù về với Tào. Từ Thù tưởng thật là thư của mẹ, vì chữ hiểu, đành từ biệt Lưu Bị, ngậm ngùi ra đi. Ông khuyên Lưu Bị mời Gia Cát Lượng (Zhu Ge Liang) là một mưu sĩ giỏi về giúp Hán (Han). Mẹ Từ Thù thấy con trai bị trúng kế gian của Tào, quá tức giận mắng con, rồi tự tử. Từ Thù rất hối tiếc khi biết mình bị lừa, nguyện suốt đời không giúp mưu kế gì cho Tào Tháo.

[27] Kê cày voi: chỉ cho vua Thuấn, người con nổi tiếng có chí hiếu, đến nỗi muôn thú cũng động lòng, khi ông đi cày có voi ra giúp.

[28] Lưu: chỉ Lưu Bị; Ngụy: tức Tào Tháo.

[29] Lò ngũ đánh: lò bếp kê đun nấu cái vạc để nấu thức ăn cho nhà vua.

[30] Vạc tam thai: cái chảo rất lớn và sâu, dùng để nấu thức ăn cho các quan.

[31] Bảo Định Giang; *Thơ Văn Yêu Nước Nam Bộ* (Sài Gòn, nxb Văn Học, 1977); trang 207.

[32] Tiền liêu: bạn cùng làm quan ngày trước.

[33] Thiên cơ: then máy của trời, không ai có thể biết trước được.

[34] Tiêu thiêu: khúc nhạc đời vua Ngu Thuấn (Yu Shun), được coi là nhạc của thời đại thịnh trị thái bình. Nói chung về âm nhạc của nhà vua.

[35] Theo một tài liệu trên mạng, căn cứ vào "*Phan Văn Trị, Nhất Tâm, tử sách 'Những mảnh gương' NXB Tân Việt, 1956,*" cho rằng "*Khi Phan Văn Trị mất, Tôn Thọ Tường là người vẫn bị Phan chê dè cũng lấy làm thương tiếc làm bài thơ này thống khốc Phan chí tình chí thiết.*" Nhưng hầu hết các tài liệu khả tín, như *Từ Điển Văn Học Việt Nam*, *Từ Điển Tác Gia Văn Hóa Việt Nam*, đều chép Tôn Thọ Tường mất năm Đinh Sửu (1877), còn Phan Văn Trị mất năm Canh Tuất (1910). *Việt Nam Danh Nhân Từ Điển* của Nguyễn Huyền Anh chép "*Phan Văn Trị 1830 - 1908.*" Vậy khi Tôn Thọ Tường mất thì Phan Văn Trị vẫn còn sống thì làm sao ông

Tường làm thơ khóc ông Trị. Hơn nữa Phan Văn Trị chết vì tuổi già, không phải bị hành hình.

[36] Quang Võ (Guang Wu): tức là Lưu Tú (Liu Xiu), cháu 6 đời của vua Hán Cảnh Đế. Lưu Tú là vị anh hùng, dẹp được loạn Vương Mãng (Wang Mang), phục hưng nhà Hán. Sau, ông lên làm vua, dùng chính sách nhân dân an tĩnh, giảm bớt công việc, dẹp tệ nạn, chăm lo việc chính trị, giảm bớt thuế khóa, tu minh lễ nhạc. Nhờ đó mà đất nước thái bình, thịnh trị.